

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

*Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26- 12 - 2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thẩm
Ông Vũ Văn Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST- HNGĐ ngày 06/12/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị [Cao Thị S](#) - sinh năm 1990

Cư trú tại: [Làng H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) (có mặt)

Bị đơn: Anh [Lê Hòa L](#), sinh năm 1993

Cư trú tại: [Khu phố F, phường P, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#).

(vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2024 nguyên đơn chị [Cao Thị S](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh [Lê Hòa L](#) đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 14/4/2011 tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#). Sau khi kết hôn, anh chị có cuộc sống hoà thuận, đến năm 2014 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Do khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Anh chị chính thức ly thân từ năm 2018 cho tới nay. Bởi vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Lê Hòa L](#).

-Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là [Lê Xuân T](#), sinh ngày 09/10/2012, cháu thứ hai tên là [Lê Bảo N](#), sinh ngày 28/7/2018. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh [L](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh [Lê Hòa L](#) đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, nhiều lần triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh [L](#) không đến Toà án làm việc, không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

* Tại giấy báo cáo ngày 31/10/2024 bà [Nguyễn Thị V](#) (mẹ đẻ anh [L](#)) trình bày về tình trạng hôn nhân của chị [Cao Thị S](#) và anh [Lê Hòa L](#): Trong quá trình chung sống vợ chồng không cãi nhau, chị [S](#) ở với gia đình bà được 9 năm, sau đó chị [S](#) đưa hai con về bên ngoại ở vì lúc đó anh [L](#) đang đi làm ăn ở trong [M](#). Sau khi về bên ngoại được 2 năm chị [S](#) đưa hai con về với bên nội ở để đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Sau khi đi nước ngoài về, khoảng tháng 6/2024 chị [S](#) có thông báo cho vợ chồng bà và anh [L](#) biết chị [S](#) làm đơn ly hôn. Lúc đó anh [L](#) nói là tùy chị [S](#). Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh [L](#), chị [S](#) như thế nào bà không được biết.

Nay chị [S](#) làm đơn ly hôn anh [L](#). Quan điểm của bà đồng ý để cho chị [S](#) và anh [L](#) ly hôn. Tuy nhiên, nếu Toà án giải quyết ly hôn bà đồng ý để chị [S](#) nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu như đơn ly hôn chị [S](#) yêu cầu. Nếu chị [S](#) nuôi 2 cháu phải đảm bảo cho cháu ăn học đến nơi đến chốn, đời sống vật chất phải đảm bảo. Nếu chị [S](#) lấy chồng khác thì phải đưa cháu về cho anh [L](#) và ông bà nội nuôi dưỡng. Sau khi Toà án giải quyết ly hôn, yêu cầu chị [S](#) cho anh [L](#) và ông bà nội liên lạc, nói chuyện với cháu để gắn kết tình cảm hai bên.

Tại biên bản xác minh ngày 16/10/2024 ông [Thịnh Văn K](#) trưởng [khu phố F, phường P, thị xã B](#) cung cấp: Chị [Cao Thị S](#) và anh [Lê Hòa L](#) kết hôn năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở tại [khu phố F, phường P, thị xã B](#). Một thời gian chung sống cùng nhau, chị [S](#) có đi nước ngoài xuất khẩu lao động và hiện nay đã về nước và về quê ngoại ở [H, H](#) ở. Theo chính quyền địa phương nắm được vợ chồng anh [L](#), chị [S](#) không có mâu thuẫn gì vì hai bên không báo cáo chính quyền địa phương.

Vợ chồng anh chị có 02 con chung [Lê Xuân T](#) và [Lê Bảo N](#). Khi chị [S](#) đi nước ngoài hai cháu ở với ông bà nội. Sau khi chị [S](#) về nước hai cháu về [xã H, huyện H](#) ở với mẹ.

Nay vợ chồng anh [L](#), chị [S](#) ly hôn đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 13/11/2024 và ngày 18/11/2024 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/11/2024 và ngày 13/11/2024, tuy nhiên, anh [Lê Hòa L](#) vắng mặt không có lý do, chị [Cao Thị S](#) có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (viết tắt: BLTTDS), Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị [Cao Thị S](#) có mặt, anh [Lê Hòa L](#) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt anh [Lê Hòa L](#).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;
- * Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Cao Thị S](#)
- Về hôn nhân: Xử cho chị [Cao Thị S](#) được ly hôn với anh [Lê Hòa L](#).
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Lê Xuân T](#) (nam), sinh ngày 09/10/2012 và cháu [Lê Bảo N](#) (nam), sinh ngày 28/7/2018 cho chị [Cao Thị S](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh [L](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị [Cao Thị S](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu đương sự và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị [Cao Thị S](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Lê Hòa L](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại [phường P, thị xã B](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị [Cao Thị S](#) và anh [Lê Hòa L](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Theo chị [S](#), anh chị chính thức ly thân từ năm 2018 cho tới nay. Bởi vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Lê Hòa L](#).

HĐXX thấy: Kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử đã gần 3 tháng, anh [L](#) không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm của anh về việc ly hôn cũng không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Hai bên không có sự chủ động gặp gỡ để vợ chồng tự hoà giải, tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị [S](#) cương quyết xin ly hôn, nghĩ nên chấp nhận cho chị [S](#) ly hôn với anh [L](#) là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là [Lê Xuân T](#) (nam), sinh ngày 09/10/2012, cháu thứ hai tên là [Lê Bảo N](#) (nam), sinh ngày 28/7/2018. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu và chị không yêu cầu anh [L](#) cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy, vì trong cả quá trình tố tụng anh [L](#) không đến Tòa án không thể hiện quan điểm của mình có xin nuôi con hay không, nên tại phiên toà hôm nay chị [S](#) xin được nuôi dưỡng hai cháu không đề nghị anh [L](#) cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu [N](#) đang còn nhỏ, còn nguyện vọng của cháu [T](#) xin được ở với mẹ. Vì vậy, xét chị [S](#) nghề nghiệp kinh doanh hoa quả mỗi tháng thu nhập khoảng 10.000.000đ (có chính quyền địa phương xác nhận) hai cháu hiện nay vẫn sống cùng với chị. HĐXX căn cứ điều kiện và nguyện vọng của chị [S](#) và cháu [T](#) nên giao 2 cháu cho chị [S](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh [L](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị [S](#) không yêu cầu là phù hợp. Nếu sau này anh [L](#) có nguyện vọng nuôi con thì làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Cao Thị S](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiêu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Cao Thị S.](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Cao Thị S](#) được ly hôn với anh [Lê Hòa L.](#)
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Lê Xuân T](#) (giới tính: nam), sinh ngày 09/10/2012 và cháu [Lê Bảo N](#) (giới tính: nam), sinh ngày 28/7/2018 cho chị [Cao Thị S](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh [L](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị [Cao Thị S](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị [Cao Thị S](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [S](#) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn ngày 01/10/2024 theo biên lai thu số: 0004643. Như vậy, chị [S](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị [Cao Thị S](#), vắng mặt anh [Lê Hòa L.](#)

Chị [Cao Thị S](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/12/2024), anh [Lê Hòa L](#) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

N-~~i~~nhĐiền:

- VKSND thị xã Bim Sơn;
- Dương sự;
- [UBND xã H, Huyện.](#)

Hà Trung(ĐK 14/4/2011);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- THA Dân sự [thị xã B](#);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TỔNG THỊ HÀ